TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **22**/2025/HNGĐ-ST Ngày 09/5/2025 *V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tòng và ông Nguyễn Đăng Đúng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 110/2025/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đinh Công N**, sinh năm 1988; Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng C,** sinh năm 1986; Có mặt.

Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Công N trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, được UBND xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vì con nhỏ nên hai vợ chồng cố gắng hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Từ tháng 01/2023 đến nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà giải quyết ly hôn với bà C.

- Về con chung: Có 01 con chung Đinh Ngọc Bảo N1, sinh ngày 14/4/2012, con muốn ở với ai thì tuỳ theo nguyện vọng của con. Trường hợp bà C nuôi con thì ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và ngôi nhà xây dựng trên diện tích đất, đất có diện tích 125m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn, tại thửa đất lô số 01, tờ bản đồ 15-D, tọa lạc tại: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn thống nhất với giá trị tài sản Hội đồng định giá tài sản ngày 25/11/2024 đã xác định, giá trị nhà và đất tổng cộng là 908.249.725 đồng. Trường hợp bà C sử dụng tài sản trên thì phải trả lại ½ giá trị tài sản cho ông N là: 454.124.862 đồng. Các vật dụng trong nhà không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ) vào năm 2011 theo như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên bị đơn không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Có một con chung Đinh Ngọc Bảo N1, sinh ngày 14/4/2012. Bà C mong muốn được đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Trường hợp ly hôn, bà C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Thừa nhận vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung gồm ngôi nhà xây dựng trên diện tích đất đất 125m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn, tại thửa đất lô số 01, tờ bản đồ 15-D, tọa lạc tại: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Bị đơn không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình mua đất, xây dựng nhà, vợ chồng có một số khoản nợ chung. Tuy nhiên vì bà C không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa giải quyết về nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025, rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn, có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, đồng ý với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng và việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến*:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 và 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Công N và bà Nguyễn Thị Hồng C.

+ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc giao con chung Đinh Ngọc Bảo N1, sinh ngày 14/4/2012 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con: ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 5/2025.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi thường trú hiện nay tại thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã không sống chung với nhau từ khoảng tháng 01/2023 đến nay. Tại phiên toà, ông N và bà C thống nhất ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[2.2] Về con chung: Có một con chung Đinh Ngọc Bảo N1, sinh ngày 14/4/2012, hiện tại con chung đang ở với bà C. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025. Bà C đồng ý với trình bày của ông N, đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật, do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn ông N và bị đơn bà C về việc giao con chung Đinh Ngọc Bảo N1 cho bà C nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung. Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, nợ chung; bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 4 Điều 70, Điều 71, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tài sản chung, nợ chung; nguyên đơn được quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Nguyên đơn ông N và bị đơn bà C tự nguyện mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng. Ông N đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng, nên bà C phải hoàn trả cho ông N số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, 71, 147, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 và 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Đinh Công N và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Đinh Công N và bà Nguyễn Thị Hồng C về việc giao con chung Đinh Ngọc Bảo N1, sinh ngày 14/4/2012 cho bà Nguyễn Thị Hồng C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn; ông Đinh Công N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2025 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công N về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

4. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Công N, bà Nguyễn Thị Hồng C về việc mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng. Ông N đã tạm ứng 7.000.000 đồng (bảy

triệu đồng) nên bà C phải hoàn trả cho ông N số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Đinh Công N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn và 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006843 ngày 15/5/2023 và số tiền 11.082.497 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003777 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên hoàn trả cho ông N số tiền 10.782.497 đồng (mười triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TX Đông Hòa;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- UBND xã Hòa Thành, Đông Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nhật Trường